TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 43/2020/QĐST-DS	*Mỏ Cày Nam, ngày 07 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 121/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Số 104/13, khu phố 3, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông **Trần Minh T**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Ấp R, xã TN, huyện VP, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn M**, sinh năm: 1974.

Bà **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp ĐN, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Lê Minh N**, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Ấp PĐ, xã BK, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Ngọc P, ông Lê Minh N cùng ủy quyền cho ông Lê Văn M theo văn bản ủy quyền đề ngày 15/6/2020.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Văn M, bà Nguyễn Ngọc P và ông Lê Minh N có nghĩa vụ liên đới trả

cho ông Nguyễn Văn T số tiền 7.160.000.000 đồng (Bảy tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó: Tiền vay gốc là 4.500.000.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm triệu đồng), tiền lãi là 2.160.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền bồi thường thiệt hại là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Thời gian trả tiền kể từ khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án thi hành.

Hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1480 ngày 03/7/2019 giữa bên chuyển nhượng ông Lê Minh N, sinh năm: 1999, địa chỉ: Ấp Phước Điền, xã Bình Khánh Đông, huyện M, tỉnh Bến Tre và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1969, địa chỉ: Số 104/13, khu phố 3, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 30, diện tích 178,3m^2 tọa ấp ĐN, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Về hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng: Khi thực hiện hợp đồng, do các bên không thực hiện nghĩa vụ đối với nhau nên không xem xét về hậu quả.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn M, bà Nguyễn Ngọc P và ông Lê Minh N phải liên đới chịu 57.330.000 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) án phí đối với hợp đồng vay tài sản, 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.330.000 đồng (Năm mươi bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010530, số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0010531 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010529 cùng ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân